

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

Số: 612/UBND-KT

V/v tập trung đẩy nhanh tiến
độ giải ngân vốn đầu tư công
năm 2021 và vốn kéo dài.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kiên Giang, ngày 14 tháng 5 năm 2021

Kính gửi:

- Bí thư Huyện ủy, Thành ủy;
- Hội đồng nhân dân các huyện, thành phố;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố.
- Các chủ đầu tư và đơn vị có liên quan.

Thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2021, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 22/3/2021 về triển khai kế hoạch đầu tư công năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang cùng nhiều chỉ đạo tại các cuộc họp thường kỳ, làm việc trực tiếp để đôn đốc đẩy nhanh tiến độ và giải ngân kế hoạch vốn của năm 2021.

Tuy nhiên, qua báo cáo kết quả giải ngân của Kho bạc Nhà nước Kiên Giang đến thời điểm ngày 30/4/2021, tỷ lệ giải ngân vốn năm 2021 của toàn tỉnh chỉ đạt 10,54%, trong đó mới có 05/34 đơn vị có kết quả giải ngân trên 30%; vốn kéo dài chỉ đạt 5,35%, trong đó chỉ có 01/32 đơn vị có kết quả giải ngân trên 30% (kèm theo phụ lục). Việc giải ngân thấp có nguyên nhân chủ quan và khách quan; nhưng qua đánh giá thì chủ yếu là nguyên nhân chủ quan như: thực hiện chưa nghiêm Chỉ thị số 02/CT-UBND của UBND tỉnh, chậm hoàn thành thủ tục đầu tư, một số chủ đầu tư chưa quyết liệt chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ những tháng đầu năm, vẫn còn một số địa phương phê duyệt quyết định đầu tư vượt quy mô, tổng mức đầu tư so với quyết định chủ trương đầu tư, vướng trong công tác bồi thường giải toả....

Việc giải ngân kế hoạch đầu tư công sẽ ảnh hưởng lớn đến các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2021; để đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu giải ngân đầu tư công năm 2021 theo Chỉ thị số 02/CT-UBND của UBND tỉnh và hoàn thành giải ngân vốn kéo dài trong điều kiện nền kinh tế bị tác động mạnh của dịch bệnh, UBND tỉnh yêu cầu các ngành, địa phương, chủ đầu tư và đơn vị có liên quan tiếp tục quán triệt và thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ sau:

1. Phải tiếp tục quán triệt và thực hiện nghiêm túc các chỉ đạo của Chính phủ, Công văn số 1163-CV/TU ngày 21/7/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Chỉ thị số 02/CT-UBND của UBND tỉnh. Phải xem giải ngân đầu tư công là giải pháp quan trọng để thúc đẩy phát triển kinh tế, tạo động lực cho các ngành, lĩnh



vực kinh tế khác và xem đây là nhiệm vụ trọng tâm của các cơ quan, đơn vị mình.

2. Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu các sở, ban, ngành, ban quản lý dự án, UBND cấp huyện và các chủ đầu tư; trong đó:

a) Yêu cầu người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, chủ đầu tư phải khẩn trương hoàn thành các thủ tục của các dự án đầu tư, chương trình khởi công mới (bao gồm các dự án trọng điểm, kết nối, có tác động liên vùng, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bền vững) và các nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch chưa hoàn thiện thủ tục đầu tư. Bên cạnh đó, khẩn trương rà soát, đề ra các giải pháp cụ thể, chủ động xử lý, tháo gỡ khó khăn làm chậm tiến độ để xử lý kịp thời nhằm chấn chỉnh, đẩy nhanh tiến độ, khắc phục tình trạng giải ngân thấp.

b) Yêu cầu các chủ đầu tư, cơ quan, đơn vị thường xuyên đánh giá tiến độ thực hiện, công trình nào có khả năng đẩy nhanh tiến độ thì tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ; đồng thời rà soát, kịp thời điều chỉnh trong nội bộ, trường hợp thiếu vốn thì đề xuất UBND tỉnh ứng trước kế hoạch vốn hoặc chủ động báo cáo cơ quan chức năng để điều chuyển vốn cho các dự án có tiến độ triển khai nhanh, có khả năng hoàn thành trong năm.

Yêu cầu các chủ đầu tư thực hiện tổ chức họp giao ban 02 lần/tháng để kiểm tra, đôn đốc và xử lý các vấn đề còn tồn đọng, vướng mắc trong giải ngân vốn đầu tư công.

c) Các ngành, địa phương chiếm tỷ lệ sử dụng vốn đầu tư công năm 2021 lớn; các đơn vị có tỷ lệ giải ngân kế hoạch vốn năm 2021 và vốn kéo dài dưới 30% có trách nhiệm rà soát, tự chấn chỉnh ngay và có biện pháp khắc phục ngay như: phân công cán bộ, lãnh đạo; xây dựng kế hoạch tiến độ, cam kết giải ngân; báo cáo định kỳ hàng tháng, ...

3. Đối với các nhà thầu, đơn vị thi công: các chủ đầu tư phải tăng cường đôn đốc các nhà thầu, đơn vị thi công nhằm đẩy nhanh tiến độ thi công công trình. Theo đó, các chủ đầu tư căn cứ hợp đồng và quy định của pháp luật, kiên quyết xử lý nghiêm các nhà thầu, đơn vị thi công vi phạm hợp đồng, đình chỉ ngay các nhà thầu chậm tiến độ (nếu lỗi do nhà thầu).

4. Về công tác giải phóng mặt bằng (GPMB): yêu cầu các địa phương chủ động, tăng cường xử lý các khó khăn, vướng mắc trong công tác GPMB; tập trung đẩy nhanh tiến độ bồi thường và phối hợp bàn giao mặt bằng cho các dự án trên địa bàn quản lý; địa phương nào không làm tốt trách nhiệm GPMB, làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án sẽ phải chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh. Các chủ đầu tư, BQLDA chủ động, tích cực phối hợp chặt chẽ với địa

phương nơi có dự án để đẩy nhanh công tác GPMB, công trình nào đã được bàn giao mặt bằng, nhưng chủ đầu tư triển khai chậm hoặc để tái chiếm, lấn chiếm làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án thì chủ đầu tư của dự án đó phải chịu trách nhiệm. Trên cơ sở quy chế của UBND tỉnh, các cơ quan, đơn vị, chủ đầu tư xem xét, làm rõ trách nhiệm chậm trễ trong GPMB để có báo cáo cụ thể về UBND tỉnh xử lý.

5. Giao nhiệm vụ cho các sở, ngành, địa phương, chủ đầu tư:

a) Các sở, ngành, địa phương, chủ đầu tư thực hiện: phân công cán bộ lãnh đạo, chỉ đạo đối với từng công trình, dự án, GPMB; xây dựng lịch, kế hoạch tiến độ từng công trình; kế hoạch giải ngân, cam kết tiến độ giải ngân của từng dự án báo cáo về Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Bên cạnh đó, các chủ đầu tư phải thực hiện đúng quy định của pháp luật đối với công tác quyết toán dự án, công trình hoàn thành. Giao Sở Tài chính tăng cường công tác xử lý, hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn đối với công tác quyết toán dự án, công trình hoàn thành.

b) Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Tài chính sớm triển khai các đoàn kiểm tra theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Thông báo số 199/TB-VP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Văn phòng UBND tỉnh.

c) Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư theo dõi, tổng hợp, định kỳ hàng quý tham mưu UBND tỉnh xử lý các đơn vị, chủ đầu tư vi phạm. Tiếp tục rà soát, kịp thời tham mưu UBND tỉnh việc điều chuyển vốn theo quy định.

d) Giao Sở Xây dựng thực hiện công bố giá vật tư xây dựng cần bám sát thị trường, ngăn ngừa tình trạng trượt giá. Chủ động phối hợp với các sở, ngành, địa phương, nhà thầu, đơn vị thi công nghiên cứu các giải pháp để xử lý các trường hợp giá vật tư xây dựng tăng cao, thúc đẩy thi công.

đ) Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp các chủ đầu tư, UBND các huyện, thành phố khẩn trương rà soát danh mục các công trình đã được bố trí vốn để ưu tiên tập trung công tác bồi thường, GPMB, nhất là lập phương án, xây dựng giá,....

e) Các sở chuyên ngành, Kho bạc Nhà nước tỉnh: phối hợp, hỗ trợ và đẩy nhanh giải quyết các thủ tục điều chỉnh dự án, thẩm định và phê duyệt thiết kế - dự toán, thanh toán, giải ngân vốn.

g) Giao Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước tỉnh công khai kết quả giải ngân định kỳ hàng tháng trên Cổng thông tin điện tử tỉnh.

6. Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; các chủ đầu tư, cơ quan có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao, tập trung chỉ đạo, tổ chức triển khai nghiêm túc nội dung Công văn này. Chịu trách nhiệm toàn diện trước Ủy ban nhân dân tỉnh khi để xảy ra chậm trễ, không đạt mục tiêu giải ngân vốn đầu tư công năm 2021 của cơ quan mình. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính theo chức năng quản lý, chủ trì theo dõi, kiểm tra việc thực hiện; định kỳ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh các nội dung chỉ đạo tại Công văn này.

7. Trên tinh thần vì nhiệm vụ chung thúc đẩy phát triển, UBND tỉnh đề nghị đồng chí Bí thư Huyện ủy, Thành ủy các huyện, thành phố quan tâm chỉ đạo cấp ủy và người đứng đầu đơn vị trực thuộc tăng cường trách nhiệm chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ đầu tư công. Đề nghị HĐND cấp huyện hỗ trợ, tăng cường giám sát, đôn đốc tiến độ đối với phần vốn cấp huyện quản lý (kể cả nguồn vốn Trung ương, tỉnh hỗ trợ cho huyện).

Nhận được Công văn này, yêu cầu Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; các chủ đầu tư và đơn vị có liên quan nghiêm túc tổ chức thực hiện./. *uuu*

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, P KT;
- Lưu: VT, nkguyen.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Nhân

KIỂM GIẤY



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục I
TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH XDCB NĂM 2021 THEO
TỪNG NGUỒN VỐN

(Kèm theo Công văn số 612 /UBND-KT ngày 14 tháng 5 năm 2021
của UBND tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	NQ HĐND giao năm 2021	Kế hoạch UBND tỉnh giao năm 2021	Giải ngân từ đầu năm đến ngày 30/4/2021	Đạt tỷ lệ %
1	2	3	4	5	6=5/4
	NGUỒN VỐN NSDP QUẢN LÝ	5,198,939	4,613,913	486,098	10.54%
1	Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương	1,019,590	1,003,590	59,583	5.94%
2	Nguồn vốn xổ số kiến thiết	1,610,000	1,610,000	128,925	8.01%
3	Nguồn vốn sử dụng vốn quỹ đất	1,300,000	1,300,000	177,016	13.62%
4	Nguồn vốn Bội chi NSDP	48,800	48,800	13,064	26.77%
5	Nguồn vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu, trong đó:	1,220,549	651,523	107,511	16.50%
-	Vốn ngoài nước	215,289	210,289	31,586	15.02%
-	Vốn trong nước	1,005,260	441,234	75,925	17.21%
-	Nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia (ĐTPT)		-	-	
I	Ngân sách huyện		785,613	34,778	4.43%
II	Ngân sách xã				



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục II
TÌNH HÌNH THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ XDCB NĂM 2021

(Kèm theo Công văn số 612 /UBND-KT ngày 14 tháng 5 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Theo ngành		Kế hoạch vốn năm 2021	Giải ngân từ đầu năm đến ngày 30/4/2021	Đạt tỷ lệ %
1	Sở Giáo dục và Đào tạo		13,000	580	4.46%
	- Nguồn XSKT	XS	13,000	580	4.46%
2	Sở Nông nghiệp & PTNT		543,230	129,715	23.88%
	- Nguồn XDCB tập trung	TT	120,900	13,205	10.92%
	- Nguồn TW hỗ trợ có mục tiêu	TW	178,000	71,860	40.37%
	- Nguồn Bội chi NSDP	BC	39,330	13,064	33.22%
	- Nguồn vốn ngoài nước	NN	205,000	31,586	15.41%
3	Sở Giao thông vận tải		836,000	102,898	12.31%
	- Nguồn XDCB tập trung	TT	200,000	-	0.00%
	- Nguồn TW hỗ trợ có mục tiêu	TW	60,000	3,064	5.11%
	- Nguồn XSKT	XS	276,000	36,341	13.17%
	- Nguồn vốn sử dụng vốn quỹ đất	SDD	300,000	63,493	21.16%
4	Sở Y tế		210,000	3,377	1.61%
	- Nguồn XSKT	XS	210,000	3,377	1.61%
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư		10,000	9,386	93.86%
	- Nguồn vốn sử dụng vốn quỹ đất	SDD	10,000	9,386	93.86%
6	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội		30,000	-	0.00%
	- Nguồn XSKT	XS	10,000	-	0.00%
	- Nguồn TW hỗ trợ có mục tiêu	TW	20,000	-	0.00%
7	Sở Văn hóa và Thể thao		53,234	3,163	5.94%
	- Nguồn TW hỗ trợ có mục tiêu	TW	23,234	-	0.00%
	- Nguồn XSKT	XS	30,000	3,163	10.54%
8	Sở Du Lịch		50,000	2,872	5.74%
	- Nguồn vốn sử dụng vốn quỹ đất	SDD	50,000	2,872	5.74%
9	Sở Nội vụ		2,000	1,620	81.02%
	- Nguồn XDCB tập trung	TT	2,000	1,620	81.02%
10	Công an tỉnh		6,000	4,817	80.29%
	- Nguồn XDCB tập trung	TT	6,000	4,817	80.29%
11	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh		5,500	770	14.00%
	- Nguồn XDCB tập trung	TT	5,500	770	14.00%
12	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh		34,200	395	1.16%
	- Nguồn XDCB tập trung	TT	34,200	395	1.16%
13	Văn phòng Tỉnh ủy		37,500	1,188	3.17%
	- Nguồn vốn sử dụng vốn quỹ đất	SDD	30,000	107	0.36%
	- Nguồn XDCB tập trung	TT	7,500	1,082	14.43%
14	Văn phòng UBND tỉnh		2,900	-	0.00%

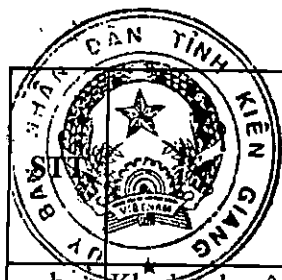


Theo ngành

Kế hoạch vốn
năm 2021Giải ngân từ
đầu năm đến
ngày 30/4/2021

Đạt tỷ lệ %

	Nguồn XDCB tập trung	TT	2,900	-	0.00%
15	Đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang		12,000	-	0.00%
	- Nguồn XSKT	XS	12,000	-	0%
16	Sở Tài nguyên Môi trường		115,459	-	0.00%
	- Nguồn XDCB tập trung	TT	700	-	0.00%
	- Nguồn vốn sử dụng vốn quỹ đất	SDD	100,000	-	0.00%
	- Nguồn vốn ngoài nước	NN	5,289	-	0.00%
	- Nguồn Bội chi NSDP	BC	9,470	-	0.00%
17	TT Nước sạch và VSMT nông thôn		6,500	-	0.00%
	- Nguồn XDCB tập trung	TT	6,500	-	0.00%
18	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh		1,200	-	0.00%
	- Nguồn XDCB tập trung	TT	1,200	-	0.00%
19	Chưa giao danh mục		566,023	-	0.00%
	- Nguồn XDCB tập trung	TT	430,023	-	0.00%
	- Nguồn XSKT	XS	106,000	-	0.00%
	- Nguồn vốn sử dụng vốn quỹ đất	SDD	30,000	-	0.00%
20	Huyện Vĩnh Thuận		57,790	6,226	10.77%
a	VP Kho bạc tỉnh quản lý				
b	Kho bạc huyện quản lý		57,790	6,226	10.77%
	- Nguồn XDCB tập trung	TT	11,286	3,520	31.19%
	- Nguồn vốn sử dụng vốn quỹ đất	SDD	300	-	0.00%
	- Nguồn XSKT	XS	46,204	2,706	5.86%
	- Nguồn TW hỗ trợ có mục tiêu	TW	-	-	
	- Chương trình MTQG giảm nghèo	CTGN	-	-	
	- Chương trình MTQG nông thôn mới	CTNTM	-	-	
21	Huyện Hòn Đất		79,282	960	1.21%
a	VP Kho bạc tỉnh quản lý				
b	Kho bạc huyện quản lý		79,282	960	1.21%
	- Nguồn XDCB tập trung	TT	15,014	-	0.00%
	- Nguồn thu sử dụng đất	SDD	1,800	-	0.00%
	- Nguồn XSKT	XS	62,468	960	1.54%
	- Nguồn TW hỗ trợ có mục tiêu	TW	-	-	
	- Chương trình MTQG giảm nghèo	CTGN	-	-	
	- Chương trình MTQG nông thôn mới	CTNTM	-	-	
22	Huyện Gò Quao		87,994	8,037	9.13%
a	VP Kho bạc tỉnh quản lý				
b	Kho bạc huyện quản lý		87,994	8,037	9.13%
	- Nguồn XDCB tập trung	TT	13,775	2,021	14.67%
	- Nguồn thu sử dụng đất	SDD	1,440	207	14.40%
	- Nguồn XSKT	XS	72,779	5,809	7.98%
	- Nguồn TW hỗ trợ có mục tiêu	TW	-	-	
	- Chương trình MTQG giảm nghèo	CTGN	-	-	
	- Chương trình MTQG nông thôn mới	CTNTM	-	-	
23	Huyện An Minh		135,596	4,799	3.54%
a	VP Kho bạc tỉnh quản lý		50,000	416	0.83%
	- Nguồn XSKT	XS	50,000	416	0.83%



Theo ngành			Kế hoạch vốn năm 2021	Giải ngân từ đầu năm đến ngày 30/4/2021	Đạt tỷ lệ %
b	Kho bạc huyện quản lý		85,596	4,383	5.12%
	- Nguồn XDCB tập trung	TT	12,538	-	0.00%
	- Nguồn thu sử dụng đất	SDD	600	-	0.00%
	- Nguồn XSKT	XS	72,458	4,383	6.05%
	- Chương trình MTQG giảm nghèo	CTGN	-	-	
	- Chương trình MTQG nông thôn mới	CTNTM	-	-	
24	Huyện Kiên Hải		40,189	17,593	43.78%
a	VP Kho bạc tỉnh quản lý		-	-	
	- Nguồn TW hỗ trợ có mục tiêu	TW	-	-	
b	Kho bạc huyện quản lý		40,189	17,593	43.78%
	- Nguồn XDCB tập trung	TT	8,780	7,274	82.84%
	- Nguồn thu sử dụng đất	SDD	660	-	0.00%
	- Nguồn XSKT	XS	30,749	10,319	33.56%
	- Chương trình MTQG giảm nghèo	CTGN	-	-	
	- Chương trình MTQG nông thôn mới	CTNTM	-	-	
25	Huyện An Biên		59,334	12,425	20.94%
a	VP Kho bạc tỉnh quản lý				
b	Kho bạc huyện quản lý		59,334	12,425	20.94%
	- Nguồn XDCB tập trung	TT	10,897	7,859	72.12%
	- Nguồn thu sử dụng đất	SDD	600	-	0.00%
	- Nguồn XSKT	XS	47,837	4,566	9.54%
	- Chương trình MTQG giảm nghèo	CTGN	-	-	
	- Chương trình MTQG nông thôn mới	CTNTM	-	-	
26	Huyện Châu Thành		64,405	24,574	38.15%
a	VP Kho bạc tỉnh quản lý				
b	Kho bạc huyện quản lý		64,405	24,574	38.15%
	- Nguồn XDCB tập trung	TT	10,960	6,482	59.14%
	- Nguồn thu sử dụng đất	SDD	7,800	4,295	55.06%
	- Nguồn XSKT	XS	45,645	13,797	30.23%
	- Nguồn TW hỗ trợ có mục tiêu	TW	-	-	
	- Chương trình MTQG giảm nghèo	CTGN	-	-	
	- Chương trình MTQG nông thôn mới	CTNTM	-	-	
27	Huyện Kiên Lương		62,221	3,708	5.96%
a	VP Kho bạc tỉnh quản lý				
b	Kho bạc huyện quản lý		62,221	3,708	5.96%
	- Nguồn XDCB tập trung	TT	12,330	2,959	24.00%
	- Nguồn thu sử dụng đất	SDD	3,000	-	0.00%
	- Nguồn XSKT	XS	46,891	749	1.60%
	- Nguồn TW hỗ trợ có mục tiêu	TW	-	-	
	- Chương trình MTQG giảm nghèo	CTGN	-	-	
	- Chương trình MTQG nông thôn mới	CTNTM	-	-	
28	Huyện Tân Hiệp		56,166	1,849	3.29%
a	VP Kho bạc tỉnh quản lý				
b	Kho bạc huyện quản lý		56,166	1,849	3.29%
	- Nguồn XDCB tập trung	TT	10,950	16	0.15%
	- Nguồn thu sử dụng đất	SDD	3,000	-	0.00%

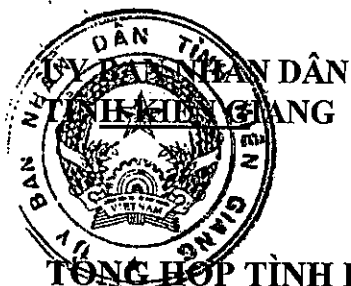


Theo ngành

			Kế hoạch vốn năm 2021	Giải ngân từ đầu năm đến ngày 30/4/2021	Đạt tỷ lệ %
	- Nguồn XSKT	XS	42,216	1,833	4.34%
	- Chương trình MTQG giảm nghèo	CTGN	-	-	
	- Chương trình MTQG nông thôn mới	CTNTM	-	-	
29	Thành phố Phú Quốc		706,014	62,753	8.89%
a	VP Kho bạc tỉnh quản lý		-	-	
	- Nguồn TW hỗ trợ có mục tiêu	TW	-	-	
b	Kho bạc huyện quản lý		706,014	62,753	8.89%
	- Nguồn XDCB tập trung	TT	15,804	908	5.74%
	- Nguồn thu sử dụng đất	SDD	464,400	55,119	11.87%
	- Nguồn TW hỗ trợ có mục tiêu	TW	160,000	1,000	0.63%
	- Nguồn XSKT	XS	65,810	5,725	8.70%
	- Chương trình MTQG giảm nghèo	CTGN	-	-	
	- Chương trình MTQG nông thôn mới	CTNTM	-	-	
30	Huyện Giồng Riềng		100,835	12,934	12.83%
a	VP Kho bạc tỉnh quản lý		-	-	
	- Nguồn TW hỗ trợ có mục tiêu	TW	-	-	
b	Kho bạc huyện quản lý		100,835	12,934	12.83%
	- Nguồn XDCB tập trung	TT	19,211	5,110	26.60%
	- Nguồn thu sử dụng đất	SDD	6,000	390	6.50%
	- Nguồn XSKT	XS	75,624	7,434	9.83%
	- Nguồn TW hỗ trợ có mục tiêu	TW	-	-	
	- Chương trình MTQG giảm nghèo	CTGN	-	-	
	- Chương trình MTQG nông thôn mới	CTNTM	-	-	
31	Thành phố Hà Tiên		119,566	25,997	21.74%
a	VP Kho bạc tỉnh quản lý		-	-	
	- Nguồn TW hỗ trợ có mục tiêu	TW	-	-	
b	Kho bạc thành phố quản lý		119,566	25,997	21.74%
	- Nguồn XDCB tập trung	TT	8,106	36	0.44%
	- Nguồn thu sử dụng đất	SDD	48,000	14,402	30.00%
	- Nguồn XSKT	XS	63,460	11,559	18.21%
	- Nguồn TW hỗ trợ có mục tiêu	TW	-	-	
	- Chương trình MTQG giảm nghèo	CTGN	-	-	
	- Chương trình MTQG nông thôn mới	CTNTM	-	-	
32	Huyện U Minh Thượng		65,274	465	0.71%
a	VP Kho bạc tỉnh quản lý		-	-	
b	Kho bạc huyện quản lý		65,274	465	0.71%
	- Nguồn XDCB tập trung	TT	14,124	326	2.31%
	- Nguồn thu sử dụng đất	SDD	1,200	-	0.00%
	- Nguồn XSKT	XS	49,950	140	0.28%
	- Nguồn TW hỗ trợ có mục tiêu	TW	-	-	
	- Chương trình MTQG giảm nghèo	CTGN	-	-	
	- Chương trình MTQG nông thôn mới	CTNTM	-	-	
33	Thành phố Rạch Giá		389,791	39,307	10.08%
a	Vốn ngân sách tỉnh quản lý		-	-	
	- Nguồn TW hỗ trợ có mục tiêu	TW	-	-	
b	Vốn.NS tỉnh phân bổ về TP quản lý		389,791	39,307	10.08%



Theo ngành			Kế hoạch vốn năm 2021	Giải ngân từ đầu năm đến ngày 30/4/2021	Đạt tỷ lệ %
	- Nguồn XDCB tập trung	TT	12,294	341	2.77%
	- Nguồn thu sử dụng đất	SDD	240,000	26,745	11.14%
	- Nguồn XSKT	XS	137,497	12,221	8.89%
	- Chương trình MTQG giảm nghèo	CTGN	-	-	
	- Chương trình MTQG nông thôn mới	CTNTM	-	-	
34	Huyện Giang Thành		54,710	3,690	6.75%
a	VP Kho bạc tỉnh quản lý				
b	Kho bạc huyện quản lý		54,710	3,690	6.75%
	- Nguồn XDCB tập trung	TT	10,098	843	8.34%
	- Nguồn thu sử dụng đất	SDD	1,200	-	0.00%
	- Nguồn XSKT	XS	43,412	2,848	6.56%
	- Nguồn TW hỗ trợ có mục tiêu	TW	-	-	
	- Chương trình MTQG giảm nghèo	CTGN	-	-	
	- Chương trình MTQG nông thôn mới	CTNTM	-	-	
	Tổng cộng		4,613,913	486,098	10.54%



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục III
**TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH XDCB KÉO DÀI THEO
TỪNG NGUỒN VỐN**

(Kèm theo Công văn số 612 /UBND-KT ngày 14 tháng 5 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Kế hoạch năm kéo dài	Giải ngân từ đầu năm đến ngày 30/4/2021	Đạt tỷ lệ %
1	2	3	4	5=4/3
	NGUỒN VỐN NSDP QUẢN LÝ (HĐND tỉnh giao)	203,856	10,902	5.35%
1	Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương	56,000	9,260	16.54%
2	Nguồn vốn xổ số kiến thiết	40,766	1,035	2.54%
3	Nguồn vốn sử dụng vốn quỹ đất	30,641	-	0.00%
4	Nguồn vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu, trong đó:	76,449	607	0.79%
-	Vốn ngoài nước	43,118	214	0.50%
-	Vốn trong nước	5,927	-	0.00%
-	Nguồn vốn chương trình mục tiêu Quốc gia (ĐTPT)	27,404	393	1.44%
	+ Chương trình MTQG nông thôn mới	24,780	393	1.59%
	+ Chương trình MTQG giảm nghèo	2,624	-	0.00%
I	Ngân sách huyện	21,821	4,427	20.29%
II	Ngân sách xã			



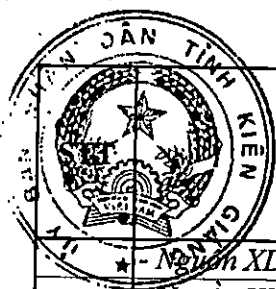
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục IV
TÌNH HÌNH THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ XDCB THUỘC KH KÉO DÀI

(Kèm theo Công văn số 642 /UBND-KT ngày 14 tháng 5 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Theo ngành		Kế hoạch vốn kéo dài	Giải ngân từ đầu năm đến ngày 30/4/2021	Đạt tỷ lệ %
1	Sở Giáo dục và Đào tạo		1,476	53	3.62%
	- Nguồn XDCB tập trung	TT	1,476	53	3.62%
2	Sở Nông nghiệp & PTNT		52,136	214	0.41%
	- Nguồn XDCB tập trung	TT	8,373	-	0.00%
	- Nguồn XSKT	XS	644	-	0.00%
	- Nguồn vốn ngoài nước	NN	43,118	214	0.50%
3	Sở Y tế		26,186	-	0.00%
	- Nguồn XSKT	XS	25,055	-	0.00%
	- Nguồn XDCB tập trung	TT	1,131	-	0.00%
4	Vườn Quốc gia U Minh Thượng		69	-	0.00%
	- Nguồn TW hỗ trợ có mục tiêu	TW	69	-	0.00%
5	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội		4,814	66	1.37%
	- Nguồn XSKT	XS	1,527	66	4.32%
	- Nguồn XDCB tập trung	TT	3,287	-	0.00%
6	Sở Văn hóa và Thể thao		892	-	0.00%
	- Nguồn XDCB tập trung	TT	24	-	0.00%
	- Nguồn XSKT	XS	867	-	0.00%
7	Sở Công Thương		16	-	0.00%
	- Nguồn XDCB tập trung	TT	16	-	0.00%
8	Sở Kế hoạch và Đầu tư		8,446	8,446	100.00%
	- Nguồn XDCB tập trung	TT	8,446	8,446	100.00%
9	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh		316	-	0.00%
	- Nguồn XDCB tập trung	TT	316	-	0.00%
10	Văn phòng Tỉnh ủy		8,116	675	8.31%
	- Nguồn XDCB tập trung	TT	6,996	675	9.64%
	- Nguồn vốn sử dụng vốn quỹ đất	SDD	1,120	-	0.00%
11	Ban Thực hiện Dự án phát triển cơ sở hạ tầng du lịch (GMS)		3,338	-	0.00%
	- Nguồn XDCB tập trung	TT	3,338	-	0.00%
12	Trường Cao đẳng Kiên Giang		1,628	64	3.92%
	- Nguồn XDCB tập trung	TT	1,628	64	3.92%
13	Trường Cao đẳng Nghề		373	-	0.00%
	- Nguồn XDCB tập trung	TT	373	-	0.00%
14	Sở Thông tin và Truyền thông		10,648	-	0.00%



	Theo ngành		Kế hoạch vốn kéo dài	Giải ngân từ đầu năm đến ngày 30/4/2021	Đạt tỷ lệ %
	- Nguồn XDCB tập trung	TT	10,580	-	0.00%
	- Nguồn XSKT	XS	68	-	0.00%
15	TT Nước sạch và VSMT nông thôn		1,570	466	29.65%
	- Nguồn XDCB tập trung	TT	924	-	0.00%
	- Nguồn XSKT	XS	647	466	72.02%
16	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh		13,738	-	0.00%
	- Nguồn vốn sử dụng vốn quỹ đất	SDD	8,220	-	0.00%
	- Nguồn TW hỗ trợ có mục tiêu	TW	5,518	-	0.00%
17	Sở Tài nguyên và Môi trường		7,016	-	0.00%
	- Nguồn XDCB tập trung	TT	4,650	-	0.00%
	- Nguồn vốn sử dụng vốn quỹ đất	SDD	2,366	-	0.00%
18	Huyện Vĩnh Thuận		3,697	-	0.00%
a	VP Kho bạc tỉnh quản lý				
b	Kho bạc huyện quản lý		3,697	-	0.00%
	- Nguồn XSKT	XS	3,152	-	0.00%
	- Nguồn TW hỗ trợ có mục tiêu	TW	150	-	0.00%
	- Chương trình MTQG nông thôn mới	CTNTM	177	-	0.00%
	- Chương trình MTQG giảm nghèo	CTGN	217	-	0.00%
19	Huyện Hòn Đất		1,763	-	0.00%
a	VP Kho bạc tỉnh quản lý				
b	Kho bạc huyện quản lý		1,763	-	0.00%
	- Nguồn XDCB tập trung	TT	954	-	0.00%
	- Nguồn thu sử dụng đất	SDD	5	-	0.00%
	- Nguồn XSKT	XS	610	-	0.00%
	- Chương trình MTQG nông thôn mới	CTNTM	194	-	0.00%
20	Huyện Gò Quao		4,530	222	4.89%
a	VP Kho bạc tỉnh quản lý				
b	Kho bạc huyện quản lý		4,530	222	4.89%
	- Nguồn thu sử dụng đất	SDD	552	-	0.00%
	- Nguồn XSKT	XS	862	222	25.70%
	- Chương trình MTQG nông thôn mới	CTNTM	2,964	-	0.00%
	- Chương trình MTQG giảm nghèo	CTGN	151	-	0.00%
21	Huyện An Minh		4,429	-	0.00%
a	VP Kho bạc tỉnh quản lý				
b	Kho bạc huyện quản lý		4,429	-	0.00%
	- Nguồn XDCB tập trung	TT	518	-	0.00%
	- Nguồn thu sử dụng đất	SDD	807	-	0.00%
	- Nguồn XSKT	XS	695	-	0.00%
	- Chương trình MTQG nông thôn mới	CTNTM	1,832	-	0.00%
	- Chương trình MTQG giảm nghèo	CTGN	577	-	0.00%
22	Huyện Kiên Hải		3,269	-	0.00%



	Theo ngành		Kế hoạch vốn kéo dài	Giải ngân từ đầu năm đến ngày 30/4/2021	Đạt tỷ lệ %
a	VP Kho bạc tỉnh quản lý				
b	Kho bạc huyện quản lý		3,269	-	0.00%
	- Nguồn thu sử dụng đất	SDD	206	-	0.00%
	- Chương trình MTQG nông thôn mới	CTNTM	3,063	-	0.00%
23	Huyện An Biên		8,461	304	3.59%
a	VP Kho bạc tỉnh quản lý				
b	Kho bạc huyện quản lý		8,461	304	3.59%
	- Nguồn XDCB tập trung	TT	905	22	2.45%
	- Nguồn thu sử dụng đất	SDD	3,781	-	0.00%
	- Nguồn XSKT	XS	1,351	282	20.85%
	- Chương trình MTQG nông thôn mới	CTNTM	2,087	-	0.00%
	- Chương trình MTQG giảm nghèo	CTGN	338	-	0.00%
24	Huyện Châu Thành		578	-	0.00%
a	VP Kho bạc tỉnh quản lý				
b	Kho bạc huyện quản lý		578	-	0.00%
	- Nguồn XDCB tập trung	TT	378	-	0.00%
	- Nguồn XSKT	XS	200	-	0.00%
25	Huyện Kiên Lương		6,032	392	6.50%
a	VP Kho bạc tỉnh quản lý				
b	Kho bạc huyện quản lý		6,032	392	6.50%
	- Nguồn XSKT	XS	22	-	0.00%
	- Chương trình MTQG nông thôn mới	CTNTM	6,010	392	6.52%
26	Huyện Tân Hiệp		1,098	-	0.00%
a	VP Kho bạc tỉnh quản lý				
b	Kho bạc huyện quản lý		1,098	-	0.00%
	- Nguồn XDCB tập trung	TT	352	-	0.00%
	- Nguồn thu sử dụng đất	SDD	234	-	0.00%
	- Chương trình MTQG nông thôn mới	CTNTM	512	-	0.00%
27	Thành phố Phú Quốc		11,787	1	0.01%
a	VP Kho bạc tỉnh quản lý		-	-	
	- Nguồn XSKT	XS	-	-	
b	Kho bạc huyện quản lý		11,787	1	0.01%
	- Nguồn thu sử dụng đất	SDD	11,349	-	0.00%
	- Chương trình MTQG nông thôn mới	CTNTM	438	1	0.34%
28	Huyện Giồng Riềng		4,563	-	0.00%
a	VP Kho bạc tỉnh quản lý				
b	Kho bạc huyện quản lý		4,563	-	0.00%
	- Nguồn XDCB tập trung	TT	365	-	0.00%
	- Nguồn XSKT	XS	426	-	0.00%
	- Nguồn TW hỗ trợ có mục tiêu	TW	150	-	0.00%
	- Chương trình MTQG nông thôn mới	CTNTM	3,622	-	0.00%



	Theo ngành		Kế hoạch vốn kéo dài	Giải ngân từ đầu năm đến ngày 30/4/2021	Đạt tỷ lệ %
29	Thành phố Hà Tiên		1,248	-	0.00%
a	VP Kho bạc tỉnh quản lý				
b	Kho bạc thành phố quản lý		1,248	-	0.00%
	- Nguồn XSKT	XS	314	-	0.00%
	- Chương trình MTQG nông thôn mới	CTNTM	934	-	0.00%
30	Huyện U Minh Thượng		5,207	-	0.00%
a	VP Kho bạc tỉnh quản lý				
b	Kho bạc huyện quản lý		5,207	-	0.00%
	- Nguồn XDCB tập trung	TT	757	-	0.00%
	- Nguồn XSKT	XS	1,406	-	0.00%
	- Nguồn thu sử dụng đất	SDD	2,000	-	0.00%
	- Nguồn TW hỗ trợ có mục tiêu	TW	40	-	0.00%
	- Chương trình MTQG nông thôn mới	CTNTM	523	-	0.00%
	- Chương trình MTQG giảm nghèo	CTGN	482	-	0.00%
31	Thành phố Rạch Giá		2,983	-	0.00%
a	Vốn ngân sách tỉnh quản lý		-	-	
	- Nguồn vốn ngoài nước	NN	-	-	
b	Vốn NS tỉnh phân bổ về TP quản lý		2,983	-	0.00%
	- Nguồn XDCB tập trung	TT	65	-	0.00%
	- Nguồn XSKT	XS	2,918	-	0.00%
32	Huyện Giang Thành		3,434	-	0.00%
a	VP Kho bạc tỉnh quản lý				
b	Kho bạc huyện quản lý		3,434	-	0.00%
	- Nguồn XDCB tập trung	TT	150	-	0.00%
	- Chương trình MTQG nông thôn mới	CTNTM	2,425	-	0.00%
	- Chương trình MTQG giảm nghèo	CTGN	860	-	0.00%
	Tổng cộng		203,856	10,902	5.35%